

Bản án số: 388/2025/KDTM-PT

Ngày: 19/12/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng thi công.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Tâm Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 265/2025/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2025 về vụ việc: “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2025/KDTM-ST ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6363/2025/QĐPT-KDTM ngày 29 tháng 10 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 21702/2025/QĐPT-KDTM ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH K;

Địa chỉ: Số A Đường số F, khu dân cư C, phường G (Phường J, quận G cũ), Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Đức T** - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1981 (Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2025).

- Bị đơn: Công ty TNHH T1;

Địa chỉ: Số B đường T, phường A (Phường P, quận G cũ), Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Hồng M1** - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Khánh D**, sinh năm 2000 (Văn bản ủy quyền số 01/UQ ngày 01/4/2025).

- *Người kháng cáo:* **Công ty TNHH T1**, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của đại diện nguyên đơn:

Ngày 04/4/2021, Công ty TNHH T1 (Công ty T1) có văn bản số 01/PCCC-MT gửi chủ đầu tư là Công ty Cổ phần L về việc đề trình thầu phụ là Công ty K với nội dung Công ty K thực hiện toàn bộ việc thi công với Chủ đầu tư cũng như trực tiếp ký các biên bản nghiệm thu với chủ đầu tư.

Ngày 06/4/2021, Công ty K và Công ty T1 thực hiện ký kết Hợp đồng kinh tế số 11-2021/HDDKT/MT-GLP về việc cung cấp vật tư và thi công sơn chống cháy bảo vệ kết cấu thép tiêu chuẩn R45 cho công trình Kho lạnh tự động H của chủ đầu tư là Công ty Cổ phần L.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 không thực hiện bất kỳ công việc gì với chủ đầu tư, toàn bộ công việc cũng như ký nghiệm thu đều do Công ty K thực hiện trực tiếp với chủ đầu tư. Tuy nhiên, Công ty T1 vẫn đề nghị chủ đầu tư thanh toán cho Công ty T1, không thanh toán trực tiếp cho Công ty K.

Trong tháng 06/2023, Công ty K ký kết hồ sơ bản vẽ hoàn công và hồ sơ quản lý chất lượng công trình với chủ đầu tư. Cụ thể, ngày 26/6/2023, hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành số 01/BBNTHHT về việc nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng công việc thi công sơn chống cháy bảo vệ kết cấu thép công trình, kết quả: Chấp nhận bàn giao đưa vào sử dụng công việc được nghiệm thu.

Ngày 21/8/2023, Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh H đã nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy công trình, chấp nhận kết quả nghiệm thu về PCCC của Dự án kho lạnh công nghệ cao – Giai đoạn 1, trong đó có hạng mục sơn chống cháy của Công ty K. Theo đúng nội dung trên, chủ đầu tư đã thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng cho Công ty T1.

Căn cứ theo Điều 2 của Hợp đồng kinh tế giữa hai bên, Công ty K đã xuất hóa đơn số 27 ngày 27/9/2023 giá trị 1.184.220.000 đồng và gửi kèm Biên bản nghiệm thu với chủ đầu tư và biên bản nghiệm thu của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh H đến Công ty T1 để yêu cầu thanh toán số tiền theo hợp đồng nhưng không nhận được phản hồi.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 đã thanh toán cho Công ty K 07 đợt với tổng số tiền là 869.219.300 đồng. Như vậy, số tiền Công ty T1 còn nợ chưa thanh toán là 315.000.700 đồng. Công ty K đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhiều lần nhưng Công ty T1 không thực hiện. Nay Công ty K khởi kiện yêu cầu Công ty T1 thanh toán số tiền còn nợ là 315.000.700 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/9/2023 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất quá hạn là 13.5%/năm.

Đại diện theo ủy quyền bị đơn trình bày:

Công ty K và Công ty T1 có ký với nhau Hợp đồng kinh tế số 11-2021/HDDKT/MT-GLP về việc cung cấp vật tư và thi công sơn chống cháy bảo vệ kết cấu thép tiêu chuẩn R45 cho công trình Kho lạnh tự động H của chủ đầu tư là Công ty Cổ phần L. Công ty K là thầu phụ do Công ty T1 đề trình theo văn bản ngày 04/4/2021. Ngày 27/9/2023, Công ty K đã xuất hóa đơn với giá trị là 1.184.220.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã thanh toán một phần giá trị hợp đồng cho Công ty K. Nay Công ty K yêu cầu Công ty T1 trả số tiền còn nợ là 315.000.700 đồng và tiền lãi phát sinh thì bị đơn không đồng ý. Vì trong quá trình thực hiện hợp đồng giữa ông M1 (là đại diện theo pháp luật của Công ty T1) và ông T (là đại diện theo pháp luật của Công ty K) có thỏa thuận về việc chiết khấu số tiền công trình, nên số tiền Công ty T1 còn nợ là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn chưa cung cấp được văn bản thỏa thuận với nội dung trên.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2025/KDTM-ST ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K.

Buộc Công ty TNHH T1 phải thanh toán cho Công ty TNHH K số tiền là 392.963.373 (Ba trăm chín mươi hai triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi ba) đồng. Trong đó: nợ gốc 315.000.700 đồng; tiền lãi 77.962.673 đồng; Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH T1 phải chịu số tiền án phí là 19.648.168 đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.725.520 đồng theo Biên lai thu tiền số 0056649 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 11/8/2025, Công ty TNHH T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với yêu cầu: Sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý trả nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự tại cấp phúc thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Sửa một phần Bản án sơ thẩm về việc tính lãi: Theo tham khảo lãi suất vay của Ngân hàng TMCP Q tại thời điểm tháng 2/2025 đến tháng 8/2025 dao động từ 6,4-8%/năm, mức lãi suất quá hạn cao nhất là 12%/năm chứ không phải 13,5%/năm như án sơ thẩm tính theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng xây dựng. Các phần khác giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH T1 làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

- Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn có đủ căn cứ để xác định:

Công ty K và Công ty T1 ký Hợp đồng kinh tế số 11-2021/HDDKT/MT-GLP ngày 06/4/2021 về việc cung cấp vật tư và thi công sơn chống cháy bảo vệ kết cấu thép tiêu chuẩn R45 cho công trình Kho lạnh tự động H của chủ đầu tư là Công ty Cổ phần L. Công ty K là thầu phụ, thực hiện toàn bộ việc thi công với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần L.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Căn cứ Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC ngày 11/8/2023 đối với Kho lạnh công nghệ cao; Công văn số 167 ngày 21/8/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CHCN Công an tỉnh H có nội dung: Chấp nhận kết quả nghiệm thu về PCCC của dự án kho lạnh công nghệ cao và chủ đầu tư cũng xác nhận: Công ty Cổ phần L và Công ty K đã tiến hành nghiệm thu công trình.

Như vậy, Công ty K đã hoàn thành những hạng mục thi công theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết với Công ty T1.

Công ty K đã xuất hóa đơn số 27 ngày 27/9/2023 giá trị 1.184.220.000 đồng, gửi giấy đề nghị quyết toán, biên bản nghiệm thu công trình với chủ đầu tư và kết quả nghiệm thu công trình của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh H để yêu cầu Công ty T1 thực hiện quyết toán hợp đồng.

Công ty T1 đã thanh toán cho Công ty K trong quá trình thực hiện hợp đồng là 869.219.300 đồng, số tiền còn lại Công ty T1 chưa thanh toán là

315.000.700 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng kinh tế giữa hai bên về các đợt thanh toán theo tiến độ công trình. Công trình kho lạnh công nghệ cao đã hoàn thiện và được chấp nhận đưa vào sử dụng. Công ty K đã hoàn thành những hạng mục thi công theo đúng nội dung hợp đồng nhưng Công ty T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng kinh tế giữa hai bên về các đợt thanh toán theo tiến độ công trình.

Việc bị đơn cho rằng giữa Công ty K và Công ty T1 có thỏa thuận về việc chiết khấu tiền công trình, nên hiện nay Công ty T1 không còn nợ tiền công trình của Công ty K, tuy nhiên Công ty T1 không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày này.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty K về việc yêu cầu Công ty T1 trả số tiền còn nợ là 315.000.700 đồng là có căn cứ.

Về yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi do chậm thanh toán:

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty K yêu cầu Công ty T1 trả lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 28/9/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với thời gian chậm trả là 22 tháng theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng.

Căn cứ thông tin lãi suất mà Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập được tại Ngân hàng A - chi nhánh G; Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh I; Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh T thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 15%/năm. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất là 13.5%/năm. Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, có lợi cho bị đơn. Số tiền lãi được tính: $315.000.700 \text{ đồng} \times 13.5\% / 12 \times 22 \text{ tháng} = 77.962.673 \text{ đồng}$.

Xét quan hệ pháp luật tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại, khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu lãi suất vay quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại và việc xác định lãi suất vay phải căn cứ lãi suất liên ngân hàng như sơ thẩm tính là phù hợp nên việc Viện kiểm sát đề nghị tính lại mức lãi vay quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định về trách nhiệm do vi phạm hợp đồng xây dựng là không phù hợp với nguyên tắc áp dụng pháp luật trong việc giải quyết án kinh doanh thương mại nên không chấp nhận.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn với tổng số tiền là 392.963.373 đồng, trong đó nợ gốc là 315.000.700 đồng, tiền lãi là 77.962.673 đồng là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn cũng không có chứng cứ nào khác ngoài những vấn đề đã trình bày tại cấp sơ thẩm nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Từ phân tích trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật nên giữ nguyên bản án sơ

thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH T1.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K.

Buộc Công ty TNHH T1 phải thanh toán cho Công ty TNHH K số tiền là 392.963.373 (Ba trăm chín mươi hai triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi ba) đồng. Trong đó: nợ gốc 315.000.700 đồng; tiền lãi 77.962.673 đồng; trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH T1 phải chịu số tiền án phí là 19.648.168 đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.725.520 đồng theo Biên lai thu tiền số 0056649 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH T1 phải chịu 2.000.000 đồng được trừ vào Biên lai thu ký hiệu BLTU/25E số 0009108 ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- TAND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Lê Thọ Viên